

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, nền kinh tế nước ta chuyển từ nền kinh tế quản lý theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Do đó, cơ chế quản lý kinh tế cũng chuyển từ cơ chế hành chính bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất của nhà nước chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế thị trường. Sự đổi mới căn bản của cơ chế quản lý này bắt buộc các doanh nghiệp phải hạch toán chặt chẽ. Nghĩa là thực hiện nguyên tắc lấy thu bù chi và phải có lãi. Doanh nghiệp phải đảm bảo tự thu, tự chi, tự phát triển, tự chịu trách nhiệm và tự quyết định các vấn đề về mục tiêu, phương hướng sản xuất kinh doanh.

Khi nền kinh tế phát triển nhanh cả về quy mô lẫn tốc độ, cả chiều rộng lẫn chiều sâu thì vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý doanh nghiệp cần phải năng động và sáng tạo hơn, sử dụng đồng vốn một cách có hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường để đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển vững mạnh. Do đó, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến diễn biến của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả đạt được. Các doanh nghiệp phải nắm bắt đầy đủ, chính xác và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ hạch toán. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp mới phân tích, đánh giá được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Vì vậy, nắm bắt đầy đủ, chính xác kịp thời mọi diễn biến của hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng, là vấn đề không thể thiếu được trong mỗi doanh nghiệp. Nó được thể hiện qua số liệu thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống kê chất lượng sản phẩm, thống kê các yếu tố sản xuất, thống kê giá thành và thống kê hiệu quả hoạt động kinh doanh. Qua đó giúp cho các nhà quản lý có thể đánh giá chính xác về hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đề ra các biện pháp tích cực, khoa học và đưa ra các quyết định kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHUNG VỀ THỐNG KÊ

1.2.1. Định nghĩa

Thống kê là một hệ thống các phương pháp bao gồm thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng của đối tượng nghiên cứu nhằm phục vụ cho quá trình phân tích, dự đoán và đề ra các quyết định.

1.2.2. Chức năng của thống kê

Thống kê thường nghiên cứu 2 lĩnh vực:

1.2.2.1. Thống kê mô tả

Thống kê mô tả bao gồm các phương pháp liên quan đến việc thu thập số liệu, tóm tắt, trình bày, tính toán các đặc trưng khác nhau để phản ánh một cách tổng quát đối tượng nghiên cứu.

1.2.2.2. Thống kê suy diễn (thống kê suy luận)

Thống kê suy diễn bao gồm các phương pháp ước lượng các đặc trưng của tổng thể nghiên cứu, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng nghiên cứu, dự đoán hoặc đề ra các quyết định trên cơ sở các số liệu thu thập được.

1.2.3. Phương pháp luận của môn học

1.2.3.1. Cơ sở phương pháp luận của môn học

Cơ sở phương pháp luận của Thống kê học và Thống kê doanh nghiệp nói riêng là chủ nghĩa duy vật biện chứng. Thống kê luôn biểu hiện mặt lượng của hiện tượng kinh tế xã hội, thông qua mặt lượng nói lên mặt chất. Thống kê doanh nghiệp lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng làm cơ sở lý luận, điều đó được thể hiện trên các phương diện sau:

- Phải phân tích và đánh giá quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong trạng thái động.

- Xem xét các mặt, các hoạt động, các quá trình kinh doanh của doanh nghiệp trong mối quan hệ biện chứng, quan hệ nhân quả.

- Xây dựng các phương pháp đo lường, các chỉ tiêu và các công thức tính toán mang tính hệ thống, logic, . . .

1.2.3.2. Cơ sở lý luận của môn học

Cơ sở lý luận của môn học là các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác Lênin và kinh tế thị trường. Các môn khoa học này trang bị cho các nhà thống kê hiểu nội dung kinh tế của các chỉ tiêu thống kê một cách sâu sắc.

Ngoài ra, thống kê còn là công cụ phục vụ công tác quản lý, vì vậy phải lấy đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước làm cơ sở lý luận.

1.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC THỐNG KÊ DN

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thống kê doanh nghiệp là một môn học trong hệ thống môn học thống kê; nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ chặt chẽ với mặt chất, của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn, diễn ra trong doanh nghiệp gắn liền điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

- Là một bộ phận của thống kê học, đối tượng nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp nghiên cứu các quy luật số lượng có nghĩa là:

+ Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất.

+ Thống kê doanh nghiệp dùng con số, số lượng để biểu hiện bản chất và tính quy luật của các hiện tượng.

+ Con số của thống kê doanh nghiệp luôn là con số có nội dung kinh tế cụ thể, vì vậy để tạo ra con số thống kê chính xác, các nhà thống kê cần hiểu đúng nội dung kinh tế của con số. Để sử dụng có hiệu quả các con số thống kê, các nhà quản trị cần đọc được, hiểu đúng các nội dung kinh tế con số thống kê mà họ sẽ sử dụng.

- Thống kê doanh nghiệp cần nghiên cứu quy luật số lượng, vì lượng và chất luôn có mối liên hệ biện chứng với nhau, không tách rời, không cô lập, lượng nào cũng được biểu hiện 1 mặt chất nhất định.

- Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu các hiện tượng số lớn, nhằm để rút ra những đặc trưng, quy luật chung của hiện tượng nghiên cứu, không có nghĩa là thống kê doanh nghiệp không nghiên cứu hiện tượng cá biệt mà cần hiểu đúng, chính xác là mọi hiện tượng phát sinh dù là hiện tượng số lớn, hay hiện tượng cá biệt đều cần được thống kê phản ánh.

- Thống kê doanh nghiệp, nghiên cứu các hiện tượng trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể, có nghĩa là mỗi con số của thống kê doanh nghiệp, cần gắn với đơn vị không gian mà nó phản ánh, gắn với thời gian phát sinh hoặc thời điểm mà trạng thái của hiện tượng được phản ánh, thống kê doanh nghiệp cần nghiên cứu các hiện tượng trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể vì:

+ Hiện tượng luôn tồn tại và vận động, phát triển, biến đổi không ngừng theo thời gian và không gian.

+ Để nhận thức được hiện tượng, để các con số thống kê được xác định cần thiết phải có đủ bốn tiêu thức: thực thể, thời gian, không gian và thước đo về đơn vị tính.

- Thống kê doanh nghiệp, không nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên và kỹ thuật, mà chỉ nghiên cứu mức độ ảnh hưởng tương hỗ giữa các hiện tượng tự nhiên và kỹ thuật đến các hiện tượng kinh tế.

1.3.2. Nhiệm vụ của môn học thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp là một môn khoa học thống kê để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp, do đó môn học này thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu đề xuất các phương pháp thu thập thông tin thống kê kịp thời, chính xác, đầy đủ phản ánh tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất, đồng thời nghiên cứu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

- Thu thập thông tin phản ánh tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thống kê phân tích giá thành, giá bán và xác định mức cầu thị trường, để điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho thích hợp.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, phân tích các mặt hoạt động, hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thống kê tổng hợp và xử lý thông tin đã thu thập, làm cơ sở ứng dụng thống kê trong công tác quản lý doanh nghiệp.

1.4. DOANH NGHIỆP VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CỦA DN

1.4.1. Khái niệm về doanh nghiệp

Doanh nghiệp là đơn vị kinh tế được tổ chức ra để sản xuất kinh doanh, nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng vật chất hoặc tinh thần của các cá nhân và cộng đồng với mục tiêu thu lợi nhuận, tích lũy vốn tiếp tục phát triển kinh doanh.

1.4.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất trong một doanh nghiệp

Nếu dựa vào quá trình kỹ thuật thì doanh nghiệp bao gồm nhiều đoạn sản xuất.

Nếu dựa vào mặt tổ chức quản lý hành chính thì doanh nghiệp bao gồm nhiều phân xưởng sản xuất.

1.4.2.1. Đoạn sản xuất

Đoạn sản xuất là một giai đoạn kỹ thuật hoàn chỉnh nhất định trong toàn bộ quá trình sản xuất một sản phẩm trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp sản xuất có thể có một hoặc nhiều đoạn sản xuất khác nhau, tùy thuộc vào qui trình công nghệ sản xuất.

- Doanh nghiệp chỉ có 1 đoạn sản xuất được gọi là doanh nghiệp có qui trình công nghệ sản xuất giản đơn như các doanh nghiệp sản xuất điện, nước, v.v .

- Doanh nghiệp có từ 2 đoạn sản xuất trở lên được gọi là doanh nghiệp có qui trình công nghệ sản xuất phức tạp như các doanh nghiệp cơ khí, dệt, may, v.v.

1.4.2.2. Phân xưởng sản xuất

Trong doanh nghiệp sản xuất, nếu căn cứ vào cơ cấu tổ chức sản xuất thì doanh nghiệp bao gồm các phân xưởng sản xuất. Phân xưởng sản xuất là một đơn vị sản xuất độc lập về mặt hành chính trong doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh thường được tiến hành qua các phân xưởng.

Trong một doanh nghiệp, giữa các phân xưởng và đoạn sản xuất có thể thống nhất hoặc không thống nhất về quy trình tổ chức quản lý sản xuất, trình độ tay nghề, trình độ trang bị kỹ thuật trong từng doanh nghiệp.

Các phân xưởng trong doanh nghiệp chia thành 4 loại:

- Phân xưởng sản xuất cơ bản (phân xưởng sản xuất chính): là phân xưởng sản xuất ra sản phẩm chủ yếu trong doanh nghiệp hoặc sản xuất ra những bán thành phẩm, chi tiết chủ yếu của sản phẩm.

- Phân xưởng sản xuất phụ: là những phân xưởng tận dụng phế liệu, vật liệu thừa, cặn bã thu hồi được trong quá trình sản xuất sản phẩm chính, để sản xuất ra các sản phẩm khác với sản phẩm chính được gọi là sản phẩm phụ.

- Phân xưởng sản xuất phụ trợ: là những bộ phận, phân xưởng làm cho quá trình sản xuất được liên tục, không gián đoạn. Ví dụ phân xưởng cơ điện, sửa chữa. . .

- Phân xưởng sản xuất phụ thuộc: là những phân xưởng chuyên sản xuất ra những sản phẩm dùng làm bao bì đóng gói cho những sản phẩm chủ yếu hoặc sản xuất ra những vật liệu cung cấp cho phân xưởng cơ bản.

Câu hỏi ôn tập

1. Hoạt động thống kê là gì? Vai trò của thống kê trong quản lý kinh tế.
2. Thông tin thống kê là gì? Nhiệm vụ công tác thông tin trong thống kê.
3. Trình bày cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp.